TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƯ THANH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2020/QĐST-DS	*Như Thanh, ngày 27 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 Bộ luật TTDS; Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 1, khoản 2, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 5 năm 2020, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 10/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Anh Nguyễn Văn G** - Sinh năm 1979
Chị Nguyễn Thị L - Sinh năm 1985
Đều trú tại: 11A/18, phố T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: **Anh Trần Xuân T** - Sinh năm 1977
Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm 1979
Đều trú tại: Khu phố X, thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về khoản nợ: Anh G, chị L và anh T, chị T thống nhất vợ chồng anh T, chị T chị có vay của vợ chồng anh Nguyễn Văn G, chị Nguyễn Thị L một khoản tiền là 360.000.000đ (Ba trăm sáu mươi triệu đồng). Đây là khoản vay chung của vợ chồng chị T, anh T đối với vợ chồng anh G, chị L. Anh T, chị T đã trả nợ cho anh G, chị L được 95.000.000 đồng.

- Về số tiền còn nợ: Anh G, chị L và chị T, anh T thống nhất: Anh T, chị T còn nợ anh G, chị L số tiền 265.000.000 đồng.

- Về trách nhiệm trả nợ: Anh G, chị L và chị T, anh T thống nhất: Anh T và chị T có trách nhiệm trả cho anh G và chị L toàn bộ khoản nợ 265.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi lăm triệu đồng) ngay sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về án phí: Anh G, chị L và chị T, anh T thống nhất:

Anh Trần Xuân T, chị Nguyễn Thị T chịu 6.625.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn G và chị Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho anh G và chị L 7.075.000 đồng (bảy triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0006317, ngày 04/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Như Thanh;
- Chi cục THADS huyện Như Thanh (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Đình Huy